

Số: 470/QĐ-UBND

TP. Bắc Giang, ngày 30 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc gọi công dân nhập ngũ năm 2024

CHỦ TỊCH UBND THÀNH PHỐ BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Nghĩa vụ quân sự ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 201/QĐ-UBND ngày 22/11/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang về việc giao chỉ tiêu gọi công dân nhập ngũ và thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân năm 2024;

Theo đề nghị của Hội đồng nghĩa vụ quân sự thành phố Bắc Giang.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Gọi công dân nhập ngũ năm 2024 đối với 148 công dân của các phường, xã (có tên trong danh sách kèm theo).

Điều 2.

- Thời gian giao quân: Ngày 25 tháng 02 năm 2024 (Tức ngày 16 tháng Giêng Âm lịch năm Giáp Thìn).

- Giao Ban Chỉ huy quân sự thành phố căn cứ Quyết định này, ra Lệnh gọi công dân nhập ngũ năm 2024 cho các phường xã, bảo đảm đủ 100% chỉ tiêu.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Ban Chỉ huy quân sự thành phố; Văn phòng HĐND-UBND thành phố; Chủ tịch UBND các phường, xã và các công dân có tên tại Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để t/h);
- Bộ CHQS tỉnh (để b/c);
- TT Thành uỷ, HĐND thành phố (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND thành phố;
- HĐNVQS TP (để phối hợp);
- HĐNVQS các phường, xã;
- LĐ, CVNC VP HĐND-UBND TP.
- Lưu: VT. QS45b.



CHỦ TỊCH

Đặng Đình Hoan



Phụ lục
GIAO CHỈ TIÊU PHÁT LỆNH CÔNG DÂN NHẬP NGŨ NĂM 2024
(Ban hành kèm theo Quyết định số 470 /QĐ-UBND ngày 30/01/2024
của Ủy tịch UBND thành phố Bắc Giang)

TT	Tên địa phương, cơ quan, đơn vị	Chỉ tiêu (Người)	Ghi chú
Σ	TỔNG CHỈ TIÊU	148	
1	Phường Đa Mai	8	
2	Phường Xương Giang	12	
3	Xã Tân Mỹ	16	
4	Phường Ngô Quyền	5	
5	Phường Lê Lợi	7	
6	Phường Hoàng Văn Thụ	4	
7	Xã Đồng Sơn	6	
8	Phường Đình Ké	15	
9	Xã Tân Tiến	15	
10	Xã Song Khê	10	
11	Phường Trần Phú	4	
12	Xã Đình Trì	11	
13	Xã Song Mai	15	
14	Phường Thọ Xương	11	
15	Phường Trần Nguyên Hãn	5	
16	Phường Mỹ Độ	4	

STT	Họ, chữ đệm và tên thường dùng;	Ngày tháng năm sinh	Số CMND, thẻ căn cước, Số BD	Nghề nghiệp;	Nơi thường trú của gia đình; bản thân	Nơi ở hiện nay của bản thân;	Nơi làm việc (nếu có)	Dân tộc;	Tôn giáo;	Học vấn;	CMKT;	Họ tên cha, năm sinh, nghề nghiệp;	Họ tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp;	Họ tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	Ghi chú
9	Trương Việt Hoàng	19/11/2005		LBTĐ	SN 17, ngõ 277, tổ dân phố số 1, Mỹ Độ			Kinh	Đoàn viên	12/12	Trương Tiên Giang	Trần Thị Bảy		L3: Thẻ lực	
10	Hoàng Thái Anh	20/01/2003		Buôn bán	SN 345, Tổ dân phố số 1, Mỹ Độ			Kinh	Đoàn viên	12/12	Hoàng Văn Thêm	Đỗ Thị Kim Yên		L3: Thẻ lực	
11	Phan Ngọc Quang	02/5/1999		LBTĐ	Ngõ 69, TDP số 4, Mỹ Độ			Kinh	Đoàn viên	12/12	Phan Văn Hải	Dương Thị Chức		L2: Thẻ lực, H.áp	
III Xã Đông Sơn (6)															
12	Nguyễn Văn Minh	01/01/2003		LBTĐ	Đông Sau, Đông Sơn			Kinh	Đoàn	12/12	Nguyễn Văn Lương	Thị Huệ		L2: Răng, H.áp	
13	Thân Văn Ngọc	01/02/2002		LBTĐ	Thôn Chùa, Đông Sơn			Kinh	Đoàn	12/12	Thân Văn Bích	Tà Thị Nguyệt		L2: Cận 0,5D	
14	Nguyễn Huy Hùng	30/6/2005		LBTĐ	Thôn Chùa, Đông Sơn			Kinh	Đoàn	9/12	Nguyễn Văn Tân	Nguyễn Thị Thảo		L2: Răng, H.áp	
15	Nguyễn Duy Nam	30/10/2002		LBTĐ	Tân Mỹ, Đông Sơn			Kinh	Đoàn	12/12	Nguyễn Văn Lộc	Đinh Thị Hiền		L2: MP cận 1,25D	
16	Hoàng Đình Thu	31/3/2004		LBTĐ	Tân Mỹ, Đông Sơn			Kinh	Đoàn	9/12	Hoàng Văn Thà	Nguyễn Thị Minh		L2: H.áp	
17	Nguyễn Quốc Triệu	22/9/2005		LBTĐ	Tân Mỹ, Đông Sơn			Kinh	Đoàn	12/12	Nguyễn Đức Dũ	Trình Thị Thành		L2: Răng, H.áp	
IV Xã Song Khê (10)															
18	Ninh Văn Bảo	06/9/2004		LBTĐ	Song Khê 1, Song Khê			Kinh	Đoàn viên	12/12	Ninh Thị Hòa			L2: H.áp	TN
19	Đào Văn Nguyễn	15/8/2002		LBTĐ	Song Khê 2, Song Khê			Kinh	Đoàn viên	12/12	Lý Thị Thảo			L3: R, M cận ID	TN